

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HSST

Ngày: 08 – 01 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Trung Tuyền

Ông Nguyễn Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2019/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1976, tại Giao P, Giao Thủy, Nam Định; nơi ĐKKTT và Chỗ ở hiện nay: Xóm L, xã Giao P, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ch (đã chết) và bà Đặng Thị L; Vợ là Trần Thị P; có 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 16/9/2016, bị TAND huyện Giao Thủy xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 05/11/2018. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2019 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Văn Kh; sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm L, xã Giao Ph, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

-Người làm chứng:

+ Chị Đặng Thị A, sinh năm 1993

Địa chỉ: xóm 15, xã Giao Y, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

+ Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm L, xã Giao P, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

+ Anh Phạm Văn Ch; sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm L, xã Giao P, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Có mặt chị P; Người bị hại và những người làm chứng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 11/10/2019, Phạm Văn T một mình điều khiển xe máy BKS: 18S4 – 4716 của gia đình từ nhà đi mục đích thấy ai sơ hở về tài sản thì trộm cắp. Khi đến xóm Lâm Q, xã Giao P, T phát hiện thấy lán tôn của anh Phạm Văn Kh không có người trông coi. T dựng xe ở đường dong bên cạnh rồi trèo qua tường bao vào trong lán lấy trộm 01 máy cắt sắt nhãn hiệu MAKTEC MT241 màu đỏ đen, 01 máy khoan hiệu MAKTEC MT60 màu đỏ, 01 máy cắt hiệu MAKTEC MT91A màu đỏ và 01 máy khoan hiệu HITACHI KOKI DH26PC màu xanh đen, lần lượt mang ra ngoài cho vào bao tải đã chuẩn bị từ trước rồi đặt lên giá đèo hàng phía trước của xe máy, sau đó chở về nhà cất giấu chiếc máy cắt còn lại 02 máy khoan cùng 01 máy cắt T mang đến bán cho chị Đặng Thị Ánh là người T mua phế liệu lấy 300.000 đồng tiêu xài hết.

Ngày 16/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Giao Thủy đã định giá xác định:

- “01 máy cắt sắt để bàn nhãn hiệu MAKTEC MT241 màu đỏ đen tại thời điểm định giá có trị giá 1.375.000 đồng (Định giá thực tế)
- 01 máy khoan cầm tay hiệu MAKTEC MT60 màu đỏ tại thời điểm định giá có trị giá 220.000 đồng. (Định giá thực tế).
- 01 máy cắt cầm tay hiệu MAKTEC MT91A màu đỏ định giá tại thời điểm T trộm cắp có trị giá 310.000 đồng.
- 01 máy khoan cầm tay hiệu HITACHI KOKI DH26PC màu xanh đen định giá tại thời điểm T trộm cắp có trị giá 1.550.000 đồng (định giá trên hồ sơ)”.

Tổng trị giá tài sản Phạm Văn T trộm cắp là 3.455.000 đồng.

Bản cáo trạng số 02/CT - VKS ngày 18/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã truy tố Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra và phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt Phạm Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Kh, chị Ánh không có ý kiến gì về vấn đề dân sự nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đối với số tiền 300.000 đồng do T đã bán tài sản trộm cắp cho chị Đặng Thị Ánh, nay chị Ánh không có yêu cầu nhận lại, đề nghị truy thu xung quỹ Nhà nước.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo được nói lời sau cùng, bị cáo trình bày bản thân nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T có hành vi lén lút trộm cắp của anh Kh 01 máy cắt sắt để bàn nhãn hiệu MAKTEC MT 24I trị giá 1.375.000 đồng, 01 máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu MAKTEC MT 60 trị giá 220.000 đồng, 01 máy khoan cầm tay nhãn hiệu MAKTEC MT 91A trị giá 310.000 đồng, 01 máy khoan cầm tay nhãn hiệu HITACHI KOKI DH 26PC trị giá 1.550.000 đồng; Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 3.455.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải tập trung cải tạo một thời gian nhất định đủ để khi trở về cộng đồng là công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Văn Kh 01 máy cắt sắt nhãn hiệu MAKTEC MT241 màu đỏ đen và 01 máy khoan nhãn hiệu MAKTEC MT60 màu đỏ. Đối với 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu MAKTEC MT91A màu đỏ và 01 máy khoan cầm tay nhãn hiệu HITACHI KOKI DH26PC màu xanh đen không thu giữ được, anh Khương không có đề nghị gì nên trách nhiệm dân sự không xem xét.

Đối với chị Đặng Thị Á đã mua 02 máy khoan và 01 máy cắt từ T nhưng khi mua chị Á không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có nên vấn đề xử lý không đặt ra. Chị Á khai nhận, sau khi mua 02 máy khoan và 01 máy cắt cầm tay với giá 300.000 đồng từ T, chị Á đã bán lại 01 máy khoan cầm tay hiệu HITACHI KOKI và 01 máy cắt cầm tay cho 01 người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ lấy 250.000 đồng, quá trình điều tra CQĐT không thu giữ được. Hiện chị Ánh không có đề nghị gì nên trách nhiệm dân sự không xem xét.

[8] Đối với số tiền 300.000 đồng do T bán tài sản trộm cắp mà có, nay chị Á không có yêu cầu nhận lại, nay truy thu xung ngân sách Nhà nước.

[9] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 12/10/2019.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự: Truy thu đối với Phạm Văn T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do chiếm hưởng trái phép sung ngân sách Nhà nước.

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

